

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Nghị định này.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở hoạt động

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Viết tắt là: NHCSXH.

b) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam bank for Social Policies.

Viết tắt là: VBSP.

2. Trụ sở hoạt động:

a) Ngân hàng Chính sách xã hội có trụ sở chính tại Thủ đô Hà Nội.

b) Trụ sở Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin tại thủ đô Hà Nội.

c) Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Cơ sở Đào tạo, các đơn vị trực thuộc khác đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d) Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện đặt tại các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân, vai trò, chức năng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có tài sản, có con dấu, được mở tài khoản thanh toán và thực hiện các dịch vụ ngân hàng về thanh toán, ngân quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Vốn điều lệ của Ngân hàng Chính sách xã hội do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 4. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước

1. Nhà nước là chủ sở hữu của Ngân hàng Chính sách xã hội. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thủ tướng Chính phủ và Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc, mục tiêu hoạt động

1. Nhà nước tập trung nguồn lực để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội của Nhà nước phù hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia và các nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội được ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ, vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác, cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế, tiền sử dụng đất/tiền thuê đất đối với đất làm trụ sở hoạt động và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ đem lại tiện ích cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

4. Nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện hiệu quả tín dụng chính sách xã hội của Nhà nước.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Nhiệm vụ

a) Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, thực hiện các hoạt động ngân hàng khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

b) Tiếp nhận, huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, tài sản (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Quyền hạn

a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc, mục tiêu hoạt động quy định tại Nghị định này.

b) Được từ chối yêu cầu, đề nghị của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội nếu yêu cầu đó trái với quy định tại Nghị định này.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Mục I

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 7. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội gồm:

- a) Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc;
- b) Ban Đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, cấp huyện;
- c) Ban Kiểm soát và bộ máy giúp việc;
- d) Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

2. Bộ máy quản lý, điều hành Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

a) Hội sở chính tại thủ đô Hà Nội, gồm:

- Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc.
- Ban Kiểm soát và bộ máy giúp việc;
- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

b) Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và bộ máy giúp việc.

c) Cấp tỉnh, gồm:

- Ban Đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh;

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh), gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và bộ máy giúp việc.

d) Cấp huyện, gồm:

- Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện), gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và bộ máy giúp việc.

đ) Cơ sở Đào tạo, bộ máy giúp việc quy định tại điểm a, b, c, d khoản này và các đơn vị trực thuộc khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

Mục II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 8. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có tối thiểu 14 thành viên, gồm tối thiểu 12 thành viên kiêm nhiệm và 2 thành viên chuyên trách. 12 thành viên kiêm nhiệm gồm: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại là lãnh đạo của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ, Hội Nông dân Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. 02 thành viên chuyên trách gồm: 01 thành viên giữ chức Tổng Giám đốc, 01 thành viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ làm việc 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thành lập Ban Đại diện Hội đồng quản trị do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp làm Trưởng ban.

a) Tại cấp tỉnh: Thành phần và số lượng thành viên Ban Đại diện Hội đồng quản trị là lãnh đạo các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tương ứng như khoản 1 Điều này và Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh.

b) Tại cấp huyện: Thành phần và số lượng thành viên Ban Đại diện Hội đồng quản trị là lãnh đạo các phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tương ứng như điểm a khoản 3 Điều này và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

c) Tùy tình hình thực tế ở từng địa phương Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định cơ cấu, số lượng, thành phần, nhân sự Ban Đại diện Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp được sử dụng bộ máy và con dấu của Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện nhiệm vụ của mình.

5. Thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Bộ Tài chính; được sử dụng bộ máy thuộc Bộ, ngành, cơ quan theo thẩm quyền để phục vụ công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp Ngân hàng Chính sách xã hội trong xử lý các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền đối với:

- a) Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng giai đoạn.
- b) Lãi suất cho vay đối với các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ mà Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình theo quy định của pháp luật.

c) Công tác cán bộ:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, các thành viên kiêm nhiệm Hội đồng quản trị.
- Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát.

d) Các vấn đề khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ mà Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị trình các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các nội dung:

- a) Kế hoạch tín dụng hàng năm và giai đoạn theo quy định của pháp luật;
- b) Xử lý các rủi ro trong quá trình hoạt động;
- c) Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ thưởng năm trước liên kế đối với người quản lý;
- d) Quy chế quản lý tài chính; chế độ chi trả phí dịch vụ ủy thác, thù lao, hoa hồng;

đ) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của các cơ quan quản lý Nhà nước mà Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị trực tiếp quyết định:

- a) Ban hành các văn bản quy định về:

- Quy định về hoạt động của: Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bộ máy giúp việc, Ban Đại diện Hội đồng quản trị các cấp, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

- Quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Quy định về công tác cán bộ, quy chế làm việc, quy chế khen thưởng, kỷ luật, quy chế về hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ và các quy chế, quy định khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

b) Công tác cán bộ

- Quyết định đánh giá đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát.

- Phê duyệt đề Chủ tịch Hội đồng quản trị quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật đối với: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

- **Quyết định về nhân sự thuộc Ban Kiểm soát;** quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ (chức danh), điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật, thực hiện chế độ chính sách đối với **Trưởng kiểm toán nội bộ, Phó Trưởng kiểm toán nội bộ, Kiểm toán viên theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.**

c) Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề của người lao động; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản.

d) Thông qua báo cáo hoạt động hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm; báo cáo tài chính năm của Ngân hàng Chính sách xã hội; báo cáo hàng năm của Ban Kiểm soát.

đ) Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất lên các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Đại diện Hội đồng quản trị các cấp.

g) Thành lập, chia, tách, sáp nhập, đổi tên, chấm dứt hoạt động của các đơn vị, tổ chức trực thuộc hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

h) Chấp thuận các chương trình, dự án được tổ chức, cá nhân nước ngoài ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện.

i) Các vấn đề khác do Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trình thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ hằng quý hoặc họp chuyên đề do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) triệu tập và chủ trì. Phiên họp của

Hội đồng quản trị phải có trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự phiên họp Hội đồng quản trị. Trường hợp vắng mặt trong phiên họp phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng không được vắng mặt quá 50% số cuộc họp trong năm.

Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền chủ trì phiên họp) có thể cho phép thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt và được ủy quyền cho cấp dưới tham dự cuộc họp. Người tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Các phiên họp Hội đồng quản trị có nội dung liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành không có thành viên tham gia Hội đồng quản trị, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức khác có liên quan thì mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan tổ chức đó tham dự phiên họp.

Các phiên họp có nội dung công việc liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Ngân hàng thì mời đại diện Công đoàn ngành đến dự.

Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp nói trên có quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo nguyên tắc đa số đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị phải được trên 50% số thành viên của Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành tại cuộc họp hoặc có ý kiến tán thành bằng văn bản. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng quản trị đã biểu quyết.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không họp hoặc các công việc phát sinh cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thì gửi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng quản trị; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công nhiệm vụ và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

2. Triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng quản trị.

3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký hoặc thông qua các nghị quyết, quyết định, các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các văn bản trình cấp có thẩm quyền và xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

4. Công tác cán bộ:

- Quyết định đánh giá đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng quản trị, quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật, đối với: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ (chức danh), điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật, thực hiện chế độ chính sách đối với thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát theo đề nghị của Ban Kiểm soát.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên kiêm nhiệm Ban Kiểm soát do các cơ quan đề cử.
- Quyết định chấp thuận Chuyên gia tư vấn do các cơ quan đề cử.
- Quyết định quy hoạch đối với Giám đốc chi nhánh cấp tỉnh, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin và các tổ chức trực thuộc khác.
- Phê duyệt đề Tổng Giám đốc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu, kỷ luật đối với Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin và các tổ chức trực thuộc khác.

5. Quyết định việc thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.

6. Ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị về các công việc được ủy quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và quy định tại Nghị định này.

2. Chấp hành các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

4. Tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, chuyên đề hoặc phiên họp bất thường khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

5. Được sử dụng bộ máy thuộc Bộ, ngành, cơ quan theo thẩm quyền để phục vụ công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội trong xử lý các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. Ban Chuyên gia tư vấn

a) Ban Chuyên gia tư vấn gồm nhân sự do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có đại diện tham gia Hội đồng quản trị cử và được Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận.

b) Ban Chuyên gia tư vấn có nhiệm vụ tham mưu giúp việc trực tiếp cho thành viên Hội đồng quản trị thuộc Bộ, ngành, cơ quan mình; tư vấn cho thành viên Hội đồng quản trị về những chủ trương, chính sách, cơ chế hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, các văn bản thuộc thẩm quyền của thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thành viên Ban Chuyên gia tư vấn được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Thư ký Hội đồng quản trị

a) Thư ký Hội đồng quản trị trực thuộc Văn phòng Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Thư ký Hội đồng quản trị có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị và báo cáo Hội đồng quản trị về nội dung họp; chuẩn bị các điều kiện, phương tiện làm việc cần thiết cho các phiên họp của Hội đồng quản trị.

- Ghi chép biên bản; soạn thảo các nghị quyết, quyết định, thông báo của các phiên họp Hội đồng quản trị; quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị.

- Phối hợp, đôn đốc các ban chuyên môn xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động, nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát xây dựng, trình Hội đồng quản trị ban hành quy trình xin ý kiến Hội đồng quản trị bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Hội đồng quản trị giao.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Đại diện Hội đồng quản trị cấp trên.

2. Duyệt kế hoạch tín dụng hằng năm, giai đoạn theo quy định hoặc đột xuất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền tại địa phương trong việc xây dựng Đề án, Chương trình, Dự án tập trung nguồn vốn của địa phương để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, phân giao và đôn đốc việc thực hiện hoàn thành kế hoạch tín dụng trên địa bàn.

4. Phối hợp chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp chỉ đạo kiểm tra, giám sát hoạt động ủy thác, hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn, hoạt động của các điểm giao dịch đặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo hoạt động đúng quy định, an toàn, hiệu quả.

5. Nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi, ban hành chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

6. Thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp được sử dụng bộ máy thuộc cơ quan theo thẩm quyền để phục vụ công tác tham mưu cho Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp Ngân hàng Chính sách xã hội trong xử lý các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

7. Chấp hành chế độ báo cáo lên cấp trên và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Đại diện Hội đồng quản trị các cấp

1. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Ban Đại diện Hội đồng quản trị; phân công nhiệm vụ và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Đại diện Hội đồng quản trị.

2. Triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban Đại diện Hội đồng quản trị; thay mặt Ban Đại diện Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Đại diện Hội đồng quản trị; các văn bản trình cấp có thẩm quyền và xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Đại diện Hội đồng quản trị.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng quản trị.

**Mục III
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 16. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có Trưởng Ban Kiểm soát và tối thiểu 5 thành viên, trong đó có tối thiểu 3 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm do Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đề cử.

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung trong từng thời kỳ do Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên Hội đồng quản trị do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm. Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

3. Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

4. Thành viên kiêm nhiệm Ban Kiểm soát được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành của Ngân hàng Chính sách xã hội về chủ trương, chính sách, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Chính sách xã hội;

3. Thẩm định các báo cáo, nội dung xin ý kiến Hội đồng quản trị của Tổng Giám đốc trước khi trình, báo cáo Hội đồng quản trị (trừ công tác tổ chức, cán bộ).

4. Thông qua nhiệm vụ kiểm soát, kiến nghị với Hội đồng quản trị các giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, hệ thống mẫu biểu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất của thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng quy trình làm việc của Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát.

6. Được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ; con dấu và các nguồn lực của Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị giao phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 19 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Trực tiếp chỉ đạo Thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ.

3. Xây dựng kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho Thành viên Ban Kiểm soát; giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, quyền, nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát.

4. Báo cáo Hội đồng quản trị kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát định kỳ hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm hoặc đột xuất đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các báo cáo đó.

5. Trình Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung về công tác cán bộ đối với thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh thuộc kiểm toán nội bộ theo quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ là một bộ phận thuộc Ban Kiểm soát, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng Ban Kiểm soát.

2. Tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hệ thống kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan.

Mục IV

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 20. Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Chính sách xã hội; trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị do Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm.
3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 2. Tổ chức điều hành các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.
 3. Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao.
 4. Ban hành văn bản quy định về quy trình thủ tục cho vay; hướng dẫn nghiệp vụ, quản lý nội bộ theo yêu cầu quản lý phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.
 5. Ký các văn bản thỏa thuận hợp tác với cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong nước và tổ chức quốc tế sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận về chủ trương.
 6. Trình Hội đồng quản trị các công việc (trừ các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát) quy định tại Điều 9 Nghị định này.
 7. Trên cơ sở phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu, kỷ luật đối với Giám đốc chi nhánh cấp tỉnh, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin và các tổ chức trực thuộc khác.
 8. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật đối với các chức danh:
 - a) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban, Phó Giám đốc Ban chuyên môn nghiệp vụ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Hội sở chính;
 - b) Phó Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ tại Chi nhánh cấp tỉnh, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin và các tổ chức trực thuộc khác.
- Các chức danh khác thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh và đơn vị trực thuộc Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh do Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng cấp tỉnh đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, kỷ luật.

9. Thực hiện công tác đánh giá, chế độ chính sách đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

10. Ban hành Quy chế điều hành tại Hội sở chính, Chi nhánh cấp tỉnh, huyện và các tổ chức khác thuộc Ngân hàng Chính sách xã hội sau khi có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Sơ kết, tổng kết các hoạt động theo định kỳ và đột xuất; đánh giá phạm vi ảnh hưởng của các hoạt động trình Hội đồng quản trị.

12. Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, bảo toàn, phát triển vốn và tài sản của Ngân hàng Chính sách xã hội.

13. Đại diện pháp nhân Ngân hàng Chính sách xã hội trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

14. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

15. Báo cáo các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phù hợp quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

1. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Phó Tổng Giám đốc

a) Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo phân công của Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.

b) Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

c) Phó Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

d) Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

3. Kế toán trưởng

a) Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy kế toán của Ngân hàng Chính sách xã hội, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Ngân hàng chính sách xã hội.

b) Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, trước pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ Kế toán trưởng và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

d) Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

đ) Kế toán trưởng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

4. Văn phòng, các Phòng/Ban chuyên môn nghiệp vụ Hội sở chính:

a) Văn phòng, các Phòng/Ban chuyên môn nghiệp vụ Hội sở chính do Hội đồng quản trị thành lập và quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ.

b) Văn phòng, các Phòng/Ban chuyên môn nghiệp vụ Hội sở chính có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 23. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc, giúp Tổng Giám đốc điều hành hoạt động đảm bảo thông suốt, an toàn và đúng pháp luật.

2. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Mục I

NGUỒN VỐN VÀ HUY ĐỘNG VỐN

Điều 24. Nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước

1. Vốn điều lệ được ngân sách nhà nước cấp khi thành lập và được cấp bổ sung hàng năm tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung trong quá trình hoạt động, bao gồm cả vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Luật đầu tư công và nguồn vốn ODA được Chính phủ giao.

3. Vốn ngân sách địa phương cấp để bổ sung nguồn vốn cho vay các đối tượng chính sách trên địa bàn.

Điều 25. Vốn ủy thác, vốn tài trợ

1. Vốn nhận ủy thác thực hiện tín dụng chính sách xã hội, cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước.

2. Vốn tài trợ từ đóng góp tự nguyện không hoàn trả của cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước.

3. Việc cho vay, xử lý nợ bị rủi ro từ nguồn vốn ủy thác, vốn tài trợ được thực hiện theo quy định của bên ủy thác, bên tài trợ.

Điều 26. Vốn huy động và các nguồn vốn khác

1. Ngân hàng Chính sách xã hội được huy động vốn dưới các hình thức sau:

a) Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng; tiết kiệm của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Phát hành trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

c) Vốn vay tái cấp vốn từ Ngân hàng Nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Vốn vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.

đ) Vốn vay lại Bộ Tài chính từ nguồn vốn ODA, vốn vay của nhà tài trợ nước ngoài.

e) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá khác.

g) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

**Mục II
CHO VAY**

Điều 27. Đối tượng được vay vốn

Đối tượng được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây được gọi là khách hàng vay vốn) bao gồm:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định của cấp có thẩm quyền trong từng thời kỳ.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 28. Mục đích, điều kiện vay vốn, quy trình thủ tục cho vay

1. Khách hàng vay vốn đáp ứng các điều kiện vay và có mục đích vay vốn phù hợp với quy định tại các chương trình tín dụng do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định quy trình, thủ tục cho vay bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

Điều 29. Nguyên tắc cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đúng đối tượng.

2. Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 30. Phương thức cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay trực tiếp đối với khách hàng vay vốn hoặc cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay thông qua các tổ chức chính trị - xã hội theo văn bản thỏa thuận giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện ủy nhiệm một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn. Tổ Tiết kiệm và vay vốn do các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính cấp xã, được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản. Quy chế hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giao dịch với khách hàng tại trụ sở hoạt động, điểm giao dịch đặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 31. Mức cho vay, thời hạn cho vay

Mức cho vay, thời hạn cho vay được quy định theo từng chương trình tín dụng do cấp có thẩm quyền ban hành, căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, khả năng nguồn vốn, thời hạn thu hồi vốn và khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn của chương trình.

Điều 32. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ, ngành chủ trì thực hiện chính sách hoặc đề nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay hoặc theo quy định của cấp có thẩm quyền theo từng chương trình tín dụng.

Mục III

DỊCH VỤ THANH TOÁN, NGOẠI HỐI VÀ NGÂN QUỸ

Điều 33. Mở tài khoản

1. Ngân hàng Chính sách xã hội được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, các Tổ chức tín dụng khác trong nước; mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước; mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ cho hoạt động của ngân hàng theo quy định của pháp luật. Sở Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội mở tài khoản thanh toán tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước để thực hiện hoạt động thanh toán của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng trong và ngoài nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan để phục vụ hoạt động của ngân hàng.

Điều 34. Dịch vụ thanh toán, ngoại hối và ngân quỹ

1. Ngân hàng Chính sách xã hội được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện các hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội được ủy thác, nhận ủy thác và các dịch vụ thu hộ, chi hộ trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện nghiệp vụ gửi tiền tại các Tổ chức tín dụng; mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng. Sở Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội là đại diện duy nhất của Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các nghiệp vụ này.

6. Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện các dịch vụ khác về ngân hàng trên cơ sở phù hợp với điều kiện, khả năng, yêu cầu thực tế của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật.

Chương IV

GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 35. Các trường hợp giải thể

1. Giải thể Ngân hàng Chính sách xã hội trong các trường hợp sau:

- a) Nhà nước thấy không cần thiết duy trì.
- b) Khi hết thời hạn hoạt động theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội mà không được Chính phủ cho gia hạn.

2. Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội bị tuyên bố giải thể, việc thanh lý Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định giải thể và quyết định thành lập Hội đồng giải thể, thanh lý Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương V

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 36. Cung cấp thông tin

Ngân hàng Chính sách xã hội được trao đổi thông tin về hoạt động ngân hàng và khách hàng với các tổ chức tín dụng khác.

Điều 37. Bảo mật

1. Người quản lý, người lao động Ngân hàng Chính sách xã hội và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 38. Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của NHCSXH quy định tại Nghị định này.

2. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định này và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 39. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương

1. Tổ chức triển khai các Chỉ thị, Kết luận của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và các quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; thường xuyên rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

3. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định tại Nghị định này.

Điều 40. Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Tổ chức triển khai các Chỉ thị, Kết luận của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và các quy định tại Nghị định này.

2. Chủ động phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan trong trường hợp có diễn biến bất thường có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc có sự thay đổi lớn về tổ chức.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn đã ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng

Chính sách xã hội, khách hàng vay vốn tiếp tục được thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm ghi trong hợp đồng đã ký.

2. Các khoản vay của Ngân hàng Chính sách xã hội từ Ngân hàng Nhà nước đã ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện theo các cam kết, nghĩa vụ và trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết và các văn bản liên quan.

Điều 43. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG